

Số: /STNMT-BVMT

Lạng Sơn, ngày tháng 02 năm 2023

V/v đề nghị cung cấp thông tin thực hiện
Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi
trường của tỉnh năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở: Xây dựng, Y tế, Công Thương, Giao thông vận tải, Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn;
- Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn;
- UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn;
- Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn;
- Trạm cấp nước sinh hoạt huyện Văn Quan.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 388/VP-KT ngày 03/02/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nghiên cứu, thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn năm 2022, theo yêu cầu và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 373/BTNMT-MT ngày 01/02/2023. Đây là báo cáo rất quan trọng, để được xem xét Xếp hạng kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của tỉnh (năm 2021 theo Quyết định số 3979/QĐ-BTNMT 30/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Lạng Sơn xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), để có cơ sở tổng hợp số liệu đầy đủ, dự thảo báo cáo Kết quả thực hiện các chỉ số nhóm I Bộ chỉ số môi trường năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Quý cơ quan, đơn vị phối hợp cung cấp thông tin theo chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý (**Số liệu năm 2022 và photo các tài liệu minh chứng kèm theo, lưu ý để thống nhất số liệu cung cấp giữa các Sở, ngành đề nghị các cơ quan chủ động lấy số liệu dân số đô thị, nông thôn theo số liệu niên giám thống kê mới nhất**), cụ thể như sau:

1. Sở Xây dựng

- Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%) (*Thống kê theo Biểu mẫu 01 của Chỉ số 01 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo*).

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn (%) (*Thống kê theo Biểu mẫu 11 của Chỉ số 11 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo*).

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (%) (*Thống kê theo Biểu mẫu 12 của Chỉ số 12 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo*).

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh (%) (thống kê theo Biểu mẫu số 13 của Chỉ số 13 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%) (thống kê theo Biểu mẫu số 15 của Chỉ số 15 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

2. Sở Y tế

- Thống kê tỷ lệ Bệnh viện, Trung tâm y tế có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%) (thống kê theo Biểu mẫu 05 của Chỉ số 05 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

- Thống kê tỷ lệ chất thải nguy hại y tế được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%) (thống kê trên cơ sở Biểu mẫu 09 của Chỉ số 09 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

3. Sở Công Thương

- Thống kê tỷ lệ Cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%) (Thống kê theo Biểu mẫu 04 của Chỉ số 04 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

- Sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo (kwh) (Thống kê theo Biểu mẫu số 21 của Chỉ số 21 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo). (Lưu ý có các tài liệu kiểm chứng theo hướng dẫn).

4. Sở Giao thông vận tải: Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 10.000 dân đô thị (xe/10.000 người) (thống kê theo Biểu mẫu số 07 của Chỉ số 07 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

5. Sở Nội vụ: Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên 1 triệu dân (người/triệu dân) (Thống kê theo Biểu mẫu 25 của Chỉ số 25 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

6. Sở Tài chính

Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường (%) (Thống kê theo Biểu mẫu số 24 của Chỉ số 24 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

(Lưu ý các nhiệm vụ chỉ cho bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi tính của chỉ số này).

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%) (Thống kê theo Biểu mẫu số 16 của Chỉ số 16 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

- Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch phát triển rừng (%) (Thống kê theo Biểu mẫu số 19 của Chỉ số 19 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

- Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá (ha) (Thống kê theo Biểu mẫu số 20 của Chỉ số 20 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

8. Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

- Tỷ lệ Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%) (Thống kê theo Biểu mẫu 03 của Chỉ số 03 tài liệu hướng dẫn của Bộ TN&MT gửi kèm theo).

- Số cán bộ thuộc bộ phận chuyên trách về BVMT của BQL các khu kinh tế, khu công nghiệp.

9. Cục Thống kê tỉnh: Cung cấp số liệu Dân số khu vực đô thị (số liệu cụ thể phân theo các khu vực đô thị từ loại IV trở lên tại các địa bàn huyện, thành phố), Dân số khu vực nông thôn và Số hộ gia đình khu vực nông thôn theo niên giám thống kê mới nhất hiện nay.

10. UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn (%) (Thống kê theo Biểu mẫu 11 của Chỉ số 11 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

- Tỷ lệ xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng (%) (Thống kê theo Biểu mẫu số 26 của Chỉ số 26 tài liệu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).

- Số công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong cơ quan chuyên môn về BVMT thuộc UBND cấp huyện; số công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT ở cấp xã.

- UBND huyện Cao Lộc: đề nghị cung cấp thông tin về tình hình đầu tư/tình hình hoạt động của các dự án Cụm công nghiệp trên địa bàn.

11. Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn, Trạm cấp nước sinh hoạt huyện Văn Quan

- Tổng khối lượng nước sạch phục vụ cho sinh hoạt đơn vị đã cấp cho các khu vực đô thị trong năm 2022 (m³) (photo các phụ lục, biểu thống kê gửi kèm).

- Tổng công suất xử lý theo thiết kế và công suất thực tế của các Nhà máy/hệ thống xử lý nước thải tập trung đã đưa vào vận hành tại các đô thị trên địa bàn tỉnh do đơn vị quản lý.

Văn bản của các Quý cơ quan, đơn vị (kèm theo các hồ sơ, tài liệu minh chứng, cập nhật số liệu dân số đô thị, nông thôn theo Niên giám thống kê mới nhất) đề nghị gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 28/02/2023 để tổng hợp (số điện thoại liên hệ: 0205.3896.668 - Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường).

(Có Công văn số 373/BTNMT-MT ngày 01/02/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Phụ lục kèm theo Công văn gửi kèm theo)

Việc xây dựng báo cáo đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn năm 2022 là điều kiện quan trọng để lập hồ sơ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định kết quả tự đánh giá các chỉ số nhóm I Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2022 của tỉnh; do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị các Quý cơ quan quan tâm, phối hợp thực hiện, đảm bảo thời hạn xây dựng dự thảo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra Sở;
- Trung tâm Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng đăng ký đất đai (đăng Website);
- Cán bộ đầu mối theo dõi;
- Lưu: VT, BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Trục